

Số: /BC-PDT

Điện Biên, ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm (năm...)

I. TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM (NĂM...)

1. **Về sản xuất, đời sống** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo? Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo DTTS? Tỷ lệ hộ tái nghèo? Tình hình thiệt hại về người và tài sản do thiên tai? Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới? Tỷ lệ xã có điện lưới quốc gia? Tỷ lệ xã đường ô tô đến trung tâm xã?...).

2. **Về văn hóa** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa? Có nhà văn hóa đạt chuẩn quốc gia? Tỷ lệ thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng?...)

3. **Về giáo dục** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia? Tỷ lệ các cháu mầm non đến lớp? Tổng số học sinh được cử tuyển?...)

4. **Về y tế** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia? Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ? Tỷ lệ thôn, bản có cán bộ y tế? Tỷ lệ hộ DTTS sử dụng nước sạch? Tỷ lệ hộ DTTS sử dụng hồ xí hợp vệ sinh?...)

5. Về an ninh trật tự

Báo cáo tình hình an ninh trật tự; tôn giáo; tà giáo; đạo lạc; di cư tự do; nạn phá rừng; buôn bán ma túy, phụ nữ, trẻ em; tội phạm khác...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM (NĂM...)

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện về công tác dân tộc

- Công tác quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, và Nhà nước về công tác dân tộc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về Công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

- Ban hành các Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện, Quyết định của UBND huyện về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

2. Kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc cấp huyện

- Tổ chức bộ máy, nhân sự, thay đổi chức năng, nhiệm vụ; phân cấp quản lý chỉ đạo.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Theo dõi, tổng hợp tình hình vùng dân tộc; xây dựng và giao nhiệm vụ kế hoạch, huy động nguồn lực, phân bổ vốn, ban hành văn bản hướng dẫn; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác dân

tộc và chính sách dân tộc; tổ chức thăm hỏi ngày lễ, tết; thực hiện các chính sách an sinh xã hội...

3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc

3.1. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.
- Lập các **Biểu tổng hợp số 002/ĐP/.., 003/ĐP/.., 004/ĐP.., 005/ĐP..., 006/ĐP..., 007/ĐP**

3.2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách do các Sở, ngành khác quản lý, chỉ đạo:

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện một số chính sách, chương trình, dự án tác động trực tiếp đến DTTS, thực hiện tại vùng DTTS&MN (Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, dạy nghề...)

- Lập các **Biểu tổng hợp số 012/ĐP.**

3.3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương:

- Đề xuất nghiên cứu, xây dựng đề án, chính sách mới.
- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án hiện hành.

4. Đánh giá chung

Kết quả đạt được; những ưu điểm, thuận lợi, khó khăn, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân.

III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRỌNG TÂM 6 THÁNG (NĂM) TIẾP THEO

1. Kế hoạch nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm (hoặc năm sau).

2. Giải pháp thực hiện

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Các kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành TW liên quan đến công tác dân tộc.

- Nơi nhận:

TRƯỞNG PHÒNG

UBND HUYỆN.....
PHÒNG DÂN TỘC

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐP/135.CSHT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135
(Kèm theo Báo cáo số..... ngày tháng năm..... của.....)

STT	HẠNG MỤC	Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CDT	Cộng đồng thực hiện		NSTU (CT 135)	NSDP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13	14	15
1	Công trình giao thông													
2	Công trình thủy lợi													
3	Công trình điện													
4	Công trình văn hóa													
5	Công trình y tế													
6	Công trình giáo dục													
7	Nước sinh hoạt													

8	Công trình khác													
CỘNG														

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND HUYỆN.....
PHÒNG DÂN TỘC

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 004/ĐP/135.NCNL
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày tháng năm..... của.....)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn (tr. đồng)			Lượt người tham dự (người)						Vốn giải ngân	Ghi chú
					NSTU (CT 135)	NSDP	NV Khác	Cán bộ xã		Cán bộ thôn		Người dân			
								Số lượng	Trong đó nữ	Số lượng	Trong đó nữ	Số lượng	Trong đó nữ		
1	2	3	4	5 = 6+7+8	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Lớp tập huấn	Lớp													
2	Tham quan học tập	Đợt													

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 005/ĐP/135.TH
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM....
(Kèm theo Báo cáo số..... ngày tháng năm..... của.....)

TT	Tiêu chí đánh giá	Đầu giai đoạn	Thời điểm báo cáo
1	Tỷ lệ hộ nghèo các xã, thôn bản ĐBKK (%)		
2	Tỷ lệ hộ cận nghèo các xã, thôn bản ĐBKK(%)		
3	Thu nhập bình quân hộ nghèo ở các xã, thôn bản ĐBKK		
4	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS của tỉnh (%)		
5	Tỷ lệ hộ cận nghèo DTTS của tỉnh (%)		
6	Thu nhập bình quân hộ nghèo DTTS của tỉnh		
7	Tỷ lệ hộ gia đình ở xã, thôn ĐBKK được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh		
8	Tỷ lệ diện tích canh tác được tưới tiêu bằng các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, thôn ĐBKK		
9	Số xã hoàn thành mục tiêu CT135		
10	Số thôn bản hoàn thành mục tiêu CT135		

11	Số xã ĐBKK có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT		
12	Số thôn, bản ĐBKK có đường trục giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT		
13	Số xã ĐBKK đạt tiêu chí quốc gia về y tế		
14	Số xã ĐBKK có Trạm y tế đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế		
15	Số xã ĐBKK có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân		
16	Số xã ĐBKK làm chủ đầu tư dự án hỗ trợ PTSX		
17	Số xã ĐBKK làm chủ đầu tư dự án đầu tư CSHT		
18	Số xã ĐBKK có tổ đội sản xuất tham gia thi công công trình hạ tầng thuộc CT135		

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND HUYỆN.....

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 006/ĐP/2085
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT VÀ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN,
ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG
(Kèm theo Báo cáo số..... ngày tháng năm..... của.....)

Đơn vị tính: triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyệ n, thị xã	Tổng số hộ hưởng các nội dung chính sách	Tổng vốn thực hiện hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện cho vay	Đất ở			Đất sản xuất							Nước sinh hoạt		Bố trí ổn định dân cư					Vay vốn hộ đặc biệt khó khăn		Ghi chú
					Số hộ	Diệ n tích (ha)	Vốn NS ĐP	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất				Hỗ trợ chuyển đổi nghề			Số hộ	Vốn hỗ trợ	Số hộ	Kết quả thực hiện		Tổng vốn đã thanh toán	Số hộ	Số tiền		
								Vốn hỗ trợ	Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn vay	Vốn hỗ trợ	Số hộ	Vốn vay				Vốn ĐTPT	Vốn SN					
1	2	3=6+9+ 13+16+18+ 22	4=11+1 4 +17+21	5= 12+15+23	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=19+ 20	22	23	24	
1																								
2																								
3																								
4																								
5																								
6																								
7																								

8																							
9																							
Tổng số																							

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

UBND HUYỆN.....
PHÒNG DÂN TỘC

BIỂU TỔNG HỢP 007/ĐP/12
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2018/QĐ-TTg

(Kèm theo Báo cáo số..... ngày tháng năm..... của.....)

Số TT	Nội dung thực hiện	Khối lượng thực hiện			Kinh phí (triệu/đồng)				Ghi chú
		Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Kinh phí thực hiện			% giải ngân so với KH	
					NSDP	NSTW	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6+7)	(9)	(10)
I	Cung cấp thông tin cho NCUT								
1	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin cho NCUT:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho NCUT:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							

b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
3	Tổ chức cho NCUT đi thăm quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm trong, ngoài tỉnh:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):								
*	Tổ chức trong tỉnh:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
*	Tổ chức ngoài tỉnh (Hà Nội và ĐP khác)								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức:								
*	Tổ chức trong huyện:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
*	Tổ chức ở các huyện khác trong tỉnh								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số NCUT tham dự	người							
c)	Đón tiếp các Đoàn NCUT các tỉnh khác								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT đón tiếp	người							
4	Cấp báo, tạp chí cho NCUT:								

a)	Báo Dân tộc và Phát triển								
	- Số kỳ phát hành/năm	kỳ							
	- Số tờ/năm	tờ							
b)	Báo của địa phương								
	- Số kỳ phát hành/năm	kỳ							
	- Số tờ/năm	tờ							
5	Hình thức cung cấp thông tin khác								Nêu cụ thể
II	Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần								
1	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
2	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết của các DTTS (ghi cụ thể DTTS được thăm hỏi):								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							

3	Thăm hỏi, động viên NCUT ốm đau:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt NCUT được thăm hỏi	người							
4	Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt gia đình NCUT được thăm hỏi	gia đình							
b)	Do cấp huyện tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số lượt gia đình NCUT được thăm hỏi	gia đình							
5	Thăm viếng, động viên NCUT và thân nhân gia đình NCUT qua đời:								
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số trường hợp được thăm viếng	người							
b)	Do cấp huyện tổ chức:								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số trường hợp được thăm viếng	người							

6	Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác								Nêu cụ thể
III	Khen thưởng NCUT								
1	Do cấp Trung ương khen thưởng								
	- Hình thức khen thưởng								
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người							
2	Do cấp tỉnh khen thưởng								
	- Hình thức khen thưởng								
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người							
3	Do cấp huyện khen thưởng								
	- Hình thức khen thưởng								
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người							
	Tổng cộng						(I+II+III)		

(Biểu này áp dụng kèm theo báo cáo 6 tháng của cơ quan dân tộc cấp tỉnh và UBND cấp huyện, xã; báo cáo năm của UBND các cấp; có thể thay đổi để phù hợp với chính sách ở từng thời điểm)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.... năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu nếu có, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

Đề cương Báo cáo lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạch

QUY HOẠCH XÂY DỰNG, QUY HOẠCH ĐÔ THỊ, QUY
CHẾ QUẢN LÝ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ, THIẾT
KẾ ĐÔ THỊ RIÊNG

(Năm)

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng
Đơn vị nhận báo cáo: UBND tỉnh

A. Báo cáo về quy hoạch xây dựng vùng tỉnh

	Mã số	Năm phê duyet	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch (ha)	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị tại kỳ báo cáo (ha)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3
1. Quy hoạch vùng tỉnh					

B. Báo cáo về quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù cấp quốc gia

	Mã số	Quy hoạch chung		Quy hoạch chi tiết	
		Năm phê duyet	Diện tích quy hoạch (ha)	Số lượng đồ án	Diện tích quy hoạch (ha)
A	B	C	1	2	3
I. Khu kinh tế					
1. Khu...					
2. Khu ...					

.....					
II. Khu công nghiệp tập trung					
1. Khu...					
2. Khu...					
.....					
III. Khu văn hóa, thể thao, du lịch cấp quốc gia					
1. Khu...					
2. Khu...					
.....					
IV. Khu bảo tồn di sản cấp quốc gia					
1. Khu...					
2. Khu...					
.....					
V. Khu chức năng cấp quốc gia khác					
1. Khu...					
2. Khu...					

C. Báo cáo về quy hoạch phân khu (quy hoạch chi tiết 1/2000), quy hoạch chi tiết 1/500 trong đô thị

	Mã số	Số lượng đồ án	Diện tích quy hoạch (ha)	Tỷ lệ phủ kín QHPK đô thị	Tỷ lệ phủ kín QHCT đô thị
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I. Đô thị ...	1				
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)					
2. QH chi tiết 1/500					
II. Đô thị...					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)					
2. QH chi tiết 1/500					
III. Đô thị...					

Tổng số					
1. QH phân khu (QH chi tiết 1/2000)					
2. QH chi tiết 1/500					

D. Báo cáo về quy hoạch xây dựng nông thôn

	Mã số	Số xã của tỉnh/thành phố	Số xã có quy hoạch xây dựng nông thôn được phê duyệt	Tỷ lệ xã có quy hoạch xây dựng nông thôn	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
Tổng số					

E. Báo cáo về Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị

	Mã số	Thời gian phê duyệt	Thời gian tổ chức lập	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
I. Tổng số Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị được duyệt			*	Ghi tổng số Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị được duyệt vào dòng *
Quy chế...				
Quy chế...				
...				
II. Tổng số Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị theo danh mục			**	Ghi tổng số Quy chế quản lý quy hoạch KT theo danh mục vào dòng **
Quy chế...				
F. Báo cáo về Thiết kế đô thị riêng	Mã số	Thời gian phê duyệt	Thời gian tổ chức lập	Ghi chú
I. Tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng được duyệt				

			*	Ghi tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng được duyệt vào dòng *
Đồ án...				
Đồ án...				
...				
II. Tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng theo danh mục			**	Ghi tổng số đồ án Thiết kế đô thị riêng theo danh mục vào dòng **
Đồ án...				
Đồ án...				
...				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày... tháng... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Mẫu số 05

Đề cương Báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC THẨM
ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG
CỦA CÁC SỞ, NGÀNH TỈNH

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm :

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng

Đơn vị nhận báo cáo: UBND tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo: UBND tỉnh

Cơ quan thẩm định	Dự án (1)						Thiết kế cơ sở (2)		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (nếu có), (bao gồm cả Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)					
	Tổng số hồ sơ dự án thẩm định	Số hồ sơ dự án phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung (3)	Tổng mức đầu tư				Tổng số hồ sơ TKCS phải sửa đổi (4)	Số hồ sơ đã thẩm định	Số hồ sơ phải sửa đổi (5)	Giá trị dự toán				
			(triệu đồng)							xây dựng công trình (triệu đồng) (6)				
			Trình h thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/ giảm (+/-)	Tỷ lệ %				Trướ c thẩm định	Sau thắ m định	Tăng/ giảm (+/-)	Tỷ lệ %	
Sở Xây dựng														
Sở Giao thông vận tải														
Sở Công Thương														
Sở NN và PTNT														

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

, ngày... tháng... năm...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Mẫu số 06

**Đề cương Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ
quý...(năm...)**

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ quý...(năm...)

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

Nêu khái quát những điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

2. Khó khăn:

Nêu khái quát những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUÝ (NĂM)

1. Công tác Bảo dưỡng thường xuyên

Báo cáo tình hình thực hiện theo kế hoạch, kết quả đạt được

2. Công tác sửa chữa định kỳ:

Báo cáo tình hình thực hiện theo kế hoạch, kết quả đạt được

3. Công tác Sửa chữa đột xuất:

Báo cáo tình hình thực hiện(nếu có)

(Có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ (NĂM)

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND tỉnh

2. Đối với Sở GTVT

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ HỆ THỐNG TỈNH LỘ NĂM.....TÍNH ĐẾN NGÀY 15 THÁNG CUỐI QUÝ BÁO CÁO

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT										
Công trình ĐBGT bước 1										
- Công trình....										
....										
Công trình đột xuất										
- Công trình....										
....										
CHI KHÁC										
....										
TỔNG CỘNG										
Bảo dưỡng thường xuyên										
Sửa chữa định kỳ										
Sửa chữa đột xuất										
Chi khác										

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI TIẾT CÔNG TÁC QLBT THEO KẾ HOẠCH NĂM- TÍNH ĐẾN NGÀY
15 THÁNG CUỐI QUÝ BÁO CÁO

TT	Công trình	Khối lượng chủ yếu đã thực hiện được tính đến thời điểm báo cáo																	Khối lượng khác
		Sửa chữa mặt đường				Sửa chữa cầu				Cống		Rãnh		Hệ thống an toàn giao thông					
		Rải BTN (m2)	Láng nhựa 3 lớp (m2)	Láng nhựa 2 lớp (m2)	Láng nhựa 1 lớp (m2)	Số cầu sửa chữa (cái)	Khe co giãn (m)	Số kết cấu dầm sửa chữa (cái)	Son, sửa kết cấu thép (m2)	Mặt cầu (m2)	Sửa chữ a (m)	Làm mới (m)	Sửa chữa (m)	Làm mới (m)	Hộ lan mềm, tôn sóng (m)	Cọc tiêu (cái)	Biển báo, gờ g cầu (cái)	Son vạch kẻ đường (m2)	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG																		
A	BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN																		
1	- Đường tỉnh....																		
2	...																		
B	Sửa chữa định kỳ																		
B1	Công trình chuyên tiếp																		

1	Công trình:....																		
B2	Công trình làm mới																		
1	Công trình:....																		
C	SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT																		
C1	Công trình ĐBGT bước 1																		
1	- Công trình....																		
2																			
C2	Công trình đột xuất																		
1	- Công trình....																		
2																			
D	CHI KHÁC																		
1																			

Ghi chú

- Khối lượng được phê duyệt ghi theo hồ sơ TKBVTC-DT hoặc Hồ sơ BCKTKT đã được phê duyệt (nếu DA được phê duyệt điều chỉnh thì ghi theo số liệu đã được phê duyệt điều chỉnh)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM
BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ QUỸ ĐỊA PHƯƠNG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Công trình/dự án	Số QĐ phê duyet BCKTKT (ngày ...tháng..nă m)	Giá trị hợp đồng gói thầu Xây lắp	Thời gian thực hiện HDXD (tháng)	Kinh phí giao trong năm				Giá trị dự toán công trình được duyet	Giá trị công trình hoàn thành			Giá trị CTH T đề nghị quyết toán trong năm	Giá trị CTH T đã QT lũy kế năm báo cáo	Giá trị CTH T chuy ển năm sau QT	KHV còn dư cuối năm	Ghi chú
					Kinh phí năm trước chưa chi hết chuyển sang	QĐ (số ... Ngày ...tháng.. ..Năm...) lần 01	QĐ (số ... Ngày ...tháng.. ..Năm...) lần	Cộng		Giá trị CTHT năm trước còn nợ chuyển năm nay	Giá trị CTH T năm nay	Cộng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9=6+7 +8	10	11	12	13	14	15	16=13- 14	17=9-13	18
A	BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYỀN																
1	- Tình lộ.....																
B	SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ																
B1	Công trình chuyên tiếp																
1	- Công trình....																
2																	
B2	Công trình làm mới																
1	- Công trình....																
2																	
C	SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT																

C1	Công trình ĐBGT bước 1																
1	- Công trình....																
2																	
C2	Công trình đột xuất																
1	- Công trình....																
2																	
D	CHI KHÁC																
1																	
	TỔNG:																

Mẫu số 07

Đề cương Báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh

CHỦ ĐẦU TƯ

Số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình (HMCT) hoàn thành	Số dự án	Đơn vị quản lý thực hiện dự án	Thời gian KC- HT (ngày, tháng, năm)		Tổng mức đầu tư	Dự toán được duyet	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị QT (giá trị hoàn thành)	Lũy kế vốn đã thanh toán	Giá trị quyết toán được duyet	Chênh lệch (tăng, giảm)	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị QT được duyet	Nguồn vốn đầu tư
				Khởi công	Hoàn thành								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-7	11	12
*	Tổng số:												
A	Các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của UBND tỉnh												
I	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán												
1	...												
II	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán												
1	...												

...													
III	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính												
1	...												
...	...												
B	Các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của UBND cấp huyện												
I	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán												
1	...												
II	Dự án, công trình (HMCT) hoàn thành đã gửi cơ quan thẩm tra quyết toán nhưng chưa được phê duyệt quyết toán												
1	...												
...													
III	Dự án, công trình (HMCT) đã hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính												
1	...												

Kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
ĐƠN VỊ.....

Mẫu số 08
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

Điện Biên, ngày tháng năm

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo Tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm, triển khai nhiệm vụ năm (hoặc báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm về công tác phòng chống thiên tai và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm)

Các căn cứ để triển khai thực hiện

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 về việc kiện toàn Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Điện Biên ;

Căn cứ thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT – Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

Các văn bản chỉ đạo của cấp trên

I. TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM (HOẶC 6 THÁNG ĐẦU NĂM)

1) Tóm tắt tình hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn, trong đó nêu rõ đã xuất hiện bao nhiêu đợt thiên tai, số lần xuất hiện của từng loại thiên tai.

2) Công tác chỉ huy ứng phó: Nêu rõ việc chỉ huy, triển khai phòng ngừa, ứng phó khắc phục hậu quả; kết quả đạt được.

3) Thống kê, đánh giá thiệt hại:

- Phần trình bày: Thống kê đánh giá các chỉ tiêu thiệt hại chính nếu có trong thời gian báo cáo định kỳ: về người, về nhà ở, về giáo dục, về y tế, về nông nghiệp, về thủy lợi, về giao thông, một số chỉ tiêu khác (nếu có) và ước tổng giá trị thiệt hại.

- Phần biểu: Thống kê theo biểu mẫu 01/TKTH và biểu mẫu 02/TKTH kèm theo và ước giá trị thiệt hại bằng tiền đối với các chỉ tiêu tính ra tiền.

4) Đánh giá về công tác phòng chống thiên tai.

- Những nội dung đã đạt được.

- Những nội dung còn tồn tại.

- Bài học kinh nghiệm.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM TIẾP THEO (HOẶC 6 THÁNG CUỐI NĂM)

5) Công tác triển khai nhiệm vụ trong thời gian tới: nêu những nhiệm vụ chủ yếu sẽ triển khai trong giai đoạn tới (06 tháng cuối năm, năm tiếp theo kỳ báo cáo).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c)
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
hoặc
TL. TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG

Mẫu số 09

Đề cương Báo cáo Kết quả thực hiện công tác Lao động - Người có công và Xã hội (6 tháng, năm)

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

Điện Biên, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác Lao động - Người có công và Xã hội

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC LAO ĐỘNG - NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

Những đặc điểm thuận lợi trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành; thuận lợi trong cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước.

2. Khó khăn:

Những khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

- Việc tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về lĩnh vực ngành được giao.

- Việc ban hành văn bản theo thẩm quyền.

- Công tác đôn đốc, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch do UBND tỉnh giao.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác Lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, tiền lương, bảo hiểm xã hội

1.1. Công tác Lao động, việc làm - an toàn lao động

a) Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ:

- *Công tác lao động, giới thiệu tư vấn việc làm:* Kết quả tổ chức các chương trình, kết quả thực hiện.

- *Công tác quản lý lao động người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh:* Việc chấp thuận vị trí công việc sử dụng lao động người nước ngoài và cấp giấy phép lao động, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, doanh nghiệp sử dụng lao động nước ngoài.

- *Công tác Bảo hiểm thất nghiệp:* Số người tham gia BHTN, số kinh phí giải quyết chế độ BHTN. Số người thất nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách BHTN, trong đó số %

lao động làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh, số người nộp hồ sơ được tư vấn giới thiệu việc làm.

- *Công tác xuất khẩu lao động*: Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị tuyển chọn lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó chấp thuận cho doanh nghiệp; số doanh nghiệp không đủ điều kiện. Số hội nghị tập huấn.

- *Công tác an toàn lao động*: Kết quả thực hiện các công tác an toàn lao động trong năm.

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về việc làm:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm về giải quyết, tạo việc làm, so sánh kết quả thực hiện so với cùng kỳ năm trước.

2.2. Công tác Giáo dục nghề nghiệp

a) Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ:

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu về đào tạo nghề:

2.3. Công tác Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội

a) Công tác hướng dẫn triển khai nhiệm vụ:

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về BHXH:

c) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về lao động - tiền lương:

3. Công tác Thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng

4. Công tác Bảo trợ xã hội; giảm nghèo

4.1. Công tác Bảo trợ xã hội

a) Công tác triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ:

b) Kết quả thực hiện chính sách xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội:

4.2. Công tác giảm nghèo

a) Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ:

b) Kết quả thực hiện:

5. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội

5.1. Công tác cai nghiện phục hồi

a) Công tác triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ:

b) Kết quả công tác cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế:

5.2. Công tác phòng, chống mại dâm

5.3. Công tác tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về

6. Công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

6.1. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em

a) Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ:

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em:

c) Công tác xây dựng, vận động và phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em

6.2. Công tác Bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ của phụ nữ

7. Công tác Thanh tra, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng

7.1. Công tác thanh tra

7.2 Công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư tố cáo

8. Công tác Tài chính - Kế toán

9. Công tác Tổ chức, Đào tạo bồi dưỡng, Thi đua khen thưởng, CCHC nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại hạn chế và kiến nghị

2.1. Tồn tại, hạn chế:

2.2. Kiến nghị: Đối với các cơ quan chức năng.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÔNG TÁC LAO ĐỘNG - NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Mục tiêu thực hiện công tác lao động, người có công và xã hội

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Giải quyết việc làm mới.

2. Tuyển sinh đào tạo nghề: Cao đẳng nghề, Sơ cấp nghề và đào tạo nghề dưới 3 tháng.

3. Bảo hiểm xã hội.

4. Công tác Bảo trợ xã hội.

5. Công tác giảm nghèo.

6. Công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

7. Công tác Thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng.

8. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ.

2. Giải pháp tổ chức thực

2.1. Về công tác giáo dục chính trị tư tưởng

2.2. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ của ngành

a) Giải pháp chủ yếu về công tác giảm nghèo nhanh và bền vững

b) Giải pháp về thực hiện các chính sách đảm bảo an sinh xã hội

c) Giải pháp về giải quyết việc làm, giáo dục nghề nghiệp

- Về giải quyết việc làm:

- Về Giáo dục nghề nghiệp:

d) Về công tác cai nghiện ma túy

e) Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em

f) Về công tác thanh tra, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng

g) Công tác Bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ

h) Về công tác Kế hoạch, tài chính

i) Về công tác tổ chức, tổng hợp, cải cách thủ tục hành chính

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

- BỘ LĐ-TBXH
- TT. Tỉnh uỷ;
- TT. HĐND tỉnh; B/c
- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT. Khối VHXXH (.....);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Mẫu số 10

Báo cáo Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu theo Nghị quyết số 30A/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo (Quý, 6 tháng, năm)

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỐ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

Điện Biên, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu theo Nghị quyết số 30A/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm tình hình

Điều kiện tự nhiên, đơn vị hành chính, xã đặc biệt khó khăn, dân số, dân tộc, thu nhập bình quân, tỷ lệ hộ nghèo ...

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

2.2. Khó khăn

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai, quán triệt thực hiện Nghị quyết trên địa bàn, công tác ban hành chính sách đặc thù của địa phương để hỗ trợ các huyện đạt mục tiêu đề ra theo Nghị quyết 30a

2. Công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo giảm nghèo các cấp

3. Sự phối hợp, vai trò của thành viên ban chỉ đạo trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và việc tham gia góp ý, cung cấp số liệu xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 30a tại các huyện nghèo

4. Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành đã ban hành

5. Công tác tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách

6. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ

II. NGUỒN LỰC ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Tổng ngân sách thực hiện (Vốn sự nghiệp, vốn đầu tư)

1. Ngân sách Trung ương bố trí trực tiếp để thực hiện chương trình 30a trên địa bàn

2. Ngân sách địa phương

3. Vốn hỗ trợ của các Tập đoàn, Tổng Công ty, doanh nghiệp, cộng đồng và đoàn thể đối với huyện nghèo

4. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án giảm nghèo khác đã và đang thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập

a) Hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ rừng

b) Hỗ trợ sản xuất

c) Hỗ trợ chăn nuôi

d) Vay vốn tín dụng ưu đãi

e) Hỗ trợ hoạt động khuyến nông, lâm, ngư

f) Chính sách xuất khẩu lao động

g) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm; thông tin thị trường cho người dân

h) Các nội dung hỗ trợ khác

2. Kết quả thực hiện chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí

3. Kết quả thực hiện chính sách tăng cường, thu hút cán bộ, tri thức trẻ đối với các huyện nghèo.

4. Kết quả thực hiện chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở thôn, bản, xã và huyện.

(Kèm theo biểu mẫu 01, 02 kèm theo)

IV. ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chung những kết quả đạt được.

1.1. Đánh giá chung.

1.2. Đánh giá kết quả mục tiêu theo Nghị quyết, theo Đề án của huyện..

2. Tồn tại, hạn chế.

3. Nguyên nhân.

3.1. Nguyên nhân chủ quan.

3.2. Nguyên nhân khách quan.

V. MỤC TIÊU PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu.

2. Nhiệm vụ.

3. Các giải pháp thực hiện.

VI. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Đối với Quốc hội, chính phủ và các Bộ ngành Trung ương.

2. Kiến nghị với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

3. Kiến nghị với các sở ngành, đơn vị.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);

-

- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CƠ SỞ HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA**

(Lũy kế từ thời điểm bắt đầu được hỗ trợ đến thời điểm báo cáo)

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư duyệt		Lũy kế kế hoạch vốn đầu tư đến ...		Lũy kế GTKL thực hiện đến hết ...		Lũy kế giải ngân đến hết		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Vốn 30a	Tổng số	Trong đó: Vốn 30a	Tổng số	Trong đó: Vốn 30a	Tổng số	Trong đó: Vốn 30a	
-	<u>TỔNG SỐ</u>											
	Hỗ trợ SX											
	Đầu tư CSHT											
-	<u>Huyện</u>											
A	Hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập											
B	Đầu tư Cơ sở hạ tầng											
I	Nhóm dự án Giao thông											
1	Công trình											
2	Công trình											
												
II	Nhóm dự án Thủy lợi											
1	Công trình											
2	Công trình											
												
III	Nhóm dự án											

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIẢM NGHÈO NHANH VÀ BỀN VỮNG THEO NGHỊ QUYẾT 30A/NQ-CP**

Stt	Nội dung	Đơn vị	Kết quả giai thực hiện (Kết quả thực hiện 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, BC năm)	Ghi chú
1	2	3	4	
	Tổng nguồn vốn thực hiện			
	1. Nguồn vốn 30a	Tr. đồng		
	1.1 Vốn Đầu tư cơ sở hạ tầng	Tr. đồng		
	a) PTSX	Tr. đồng		
	b) Đầu tư cơ sở hạ tầng	Tr. đồng		
	1.2.Vốn sự nghiệp	Tr. đồng		
	a) Vốn duy tu bảo dưỡng	Tr. đồng		
	b) Vốn giao khoán bảo vệ rừng	Tr. đồng		
	a) Vốn thực hiện Chính sách HTSX	Tr. đồng		
	b) Vốn thực xuất khẩu lao động	Tr. đồng		
	c) Vốn khác	Tr. đồng		
	1.3. Vốn Chương trình giảm nghèo khác	Tr. đồng		
	a) Vốn 135 (đầu tư các công trình cấp xã, thôn bản ĐBKK)	Tr. đồng		
	b)	Tr. đồng		
	1.4.Vốn khác	Tr. đồng		
	a)	Tr. đồng		
	b)	Tr. đồng		
I.	Hỗ trợ SX, tạo VL, tăng thu nhập			

1.	Chính sách phát triển rừng			
	a. Khoán khoán nuôi, bảo vệ rừng			
	+ Số hộ nhận giao khoán	Hộ		
	+ Diện tích rừng giao khoán	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	b. Hỗ trợ lần đầu giống cây trồng rừng sản xuất (02-05 triệu đồng/ha)			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Diện tích rừng trồng rừng sản xuất	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	c. Trợ cấp gạo hộ nghèo chăm sóc bảo vệ rừng (15 kg gạo/khẩu/tháng)			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số lương thực hỗ trợ	Tấn		
	d. Hỗ trợ hộ nghèo tạo đất sản xuất lương thực			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Diện tích rừng tận dụng tạo đất SXLT	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	e. Hỗ trợ hộ nghèo 50% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại nhà nước để trồng rừng sản xuất			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Diện tích trồng rừng sản xuất	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
2.	Chính sách hỗ trợ sản xuất			
	a. Kinh phí rà soát quy hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi			
	+ Số quy hoạch rà soát, lập mới	Quy hoạch		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		

	<i>b. Hỗ trợ đất sản xuất</i>			
	* Khai hoang tạo nương cố định			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Diện tích nương được khai hoang	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	* Phục hóa			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Diện tích nương được phục hóa	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	* Tạo ruộng bậc thang			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Diện tích ruộng bậc thang được tạo mới	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	<i>c. Hỗ trợ 1 lần toàn bộ tiền mua giống, phân bón, chuyển đổi cây trồng</i>			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	<i>d. Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại nhà nước để phát triển sản xuất nông nghiệp</i>			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ lãi suất	Tr. đồng		
	<i>e. Hỗ trợ thêm đối với hộ nghèo:</i>			
	* Hỗ trợ chăn nuôi:			
	Vay lãi suất bằng 0%			
	+ Số hộ được vay vốn	Hộ		
	+ Tổng số tiền đã cho vay	Tr. đồng		
	* Hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi hoặc tạo diện tích nuôi trồng thủy sản			

	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	* Mua giống để trồng cỏ để chăn nuôi gia súc			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	* Hỗ trợ 100% tiền vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm đối với gia súc, gia cầm			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
3.	Hỗ trợ gạo hộ nghèo giáp biên giới			
	- Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	- Tổng số LT hỗ trợ	Tấn		
4.	Hỗ trợ, ưu đãi hoạt động khuyến nông, lâm, ngư			
	* Hỗ trợ 100% giống, vật tư cho xây dựng mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	* Hỗ trợ lao động nghèo tham gia đào tạo, tập huấn			
	+ Số LĐ nghèo được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
4.1	Hỗ trợ mỗi huyện 100 triệu đồng/năm để xúc tiến thương mại	Tr. đồng		
5.	Hỗ trợ xuất khẩu Lao động:			
	* Kết quả thực hiện			
	- Hỗ trợ bồi dưỡng văn hóa			
	+ Số LĐ được hỗ trợ	LĐ		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
	- Hỗ trợ đào tạo nghề			
	+ Số LĐ được hỗ trợ	LĐ		

	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
	- Đào tạo ngoại ngữ			
	+ Số LĐ được hỗ trợ	LĐ		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
	- Đào tạo định hướng			
	+ Số LĐ được hỗ trợ	LĐ		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
	- Hỗ trợ thủ tục, trang bị cá nhân			
	+ Số LĐ được hỗ trợ	LĐ		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
	- Cho vay vốn XKLD			
	+ Số LĐ được vay vốn	LĐ		
	+ Tổng số tiền cho vay	Tr. đồng		
	* Hiện trạng sau kết quả thực hiện			
	- Hiện còn bao nhiêu lao động đang lao động tại nước ngoài	LĐ		
	- Bao nhiêu lao động đã về nước	LĐ		
	+ Lao động về nước trước thời hạn	LĐ		
	+ Lao động về nước đúng thời hạn	LĐ		
	- Thu nhập bình quân của các lao động tại nước ngoài	Tr. đồng		
II	Chính sách GD-ĐT, dạy nghề, nâng cao dân trí			
1.	Chính sách giáo dục, đào tạo, nâng cao mặt bằng dân trí			
	<i>a. Bố trí tăng thêm giáo viên</i>			
	- Số GV bố trí tăng thêm	Người		
	- Tổng kinh phí tăng thêm	Tr. đồng		
	<i>b. Tăng mức phổ cập cho giáo viên mầm non, mẫu giáo thôn, bản</i>			
	- Số GV được hỗ trợ	Người		

	- Tổng kinh phí tăng thêm	Tr. đồng		
	<i>c. Cấp học bổng cho HS nghèo DTTS học ở ngoài trường DTNT</i>			
	- Số HS được hỗ trợ	HS		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
2.	<i>Chính sách y tế, KHHGD</i>			
	<i>a. Nâng phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản</i>			
	- Số người được hỗ trợ	Người		
	- Tổng kinh phí tăng thêm	Tr. đồng		
	<i>b. Tổng kinh phí tăng thêm do điều chỉnh định mức tiền thuốc và tiêu hao vật tư y tế thông dụng cho các trạm y tế xã</i>	Tr. đồng		
	<i>c. Hỗ trợ chi phí ăn ở, đi lại của bệnh nhân nội trú</i>			
	- Số bệnh nhân được hỗ trợ	Người		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
3.	<i>Hỗ trợ dạy nghề gắn với tạo việc làm</i>			
	<i>a. Hỗ trợ đào tạo nghề để tạo việc làm tại chỗ</i>			
	+ Số LĐ nghèo được hỗ trợ	Người		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
	<i>b. Hỗ trợ để tạo VL ngoài địa bàn</i>			
	- Số LĐ nghèo được hỗ trợ	Người		
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
	<i>c. Hỗ trợ thông qua DN để đào tạo nghề, nhận LĐ nghèo vào làm việc</i>			
	+ Số LĐ nghèo được hỗ trợ	Người		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
4.	<i>Hỗ trợ đào tạo cán bộ tại chỗ</i>			

	<i>a. Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn, cán bộ y tế cơ sở cho con em ở các huyện nghèo tại các trường đào tạo của Bộ Quốc phòng</i>			
	- Số người được đào tạo	Người		
	- Tổng kinh phí đào tạo	Tr. đồng		
	<i>b. Đào tạo thanh niên hoàn thành nghĩa vụ Quân sự bổ sung cán bộ cho địa phương</i>			
	- Số người được đào tạo	Người		
	- Tổng kinh phí đào tạo	Tr. đồng		
5.	<i>Chính sách đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở</i>			
	<i>a. Tập huấn</i>			
	- Số CB được tập huấn	Người		
	- Tổng kinh phí	Tr. đồng		
	<i>b. Đào tạo ngắn hạn</i>			
	- Số CB được tập huấn	Người		
	- Tổng kinh phí	Tr. đồng		
	<i>c. Đào tạo dài hạn</i>			
	- Số CB được tập huấn	Người		
	- Tổng kinh phí	Tr. đồng		
III	Chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo			
1.	<i>Luân chuyển và tăng cường cán bộ về xã</i>			
	+ Số CB tăng cường, luân chuyển	Người		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
2.	<i>Thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật</i>			
	+ Số người	Người		
	+ Tổng kinh phí thực hiện	Tr. đồng		

IV	Chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở cả thôn, bản, xã và huyện			
1.	Đối với cấp huyện:			
	a. Trường trung học phổ thông			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	b. Trường Dân tộc nội trú Huyện			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	c. Cơ sở dạy nghề tổng hợp huyện			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	d. Bệnh viện huyện, bệnh viện khu vực, trung tâm y tế dự phòng huyện đạt tiêu chuẩn			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	e. Trung tâm dịch vụ tổng hợp về nông, lâm, ngư nghiệp			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	g. Các công trình thủy lợi quy mô cấp huyện, liên xã			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	h. Đường kết nối giao thông từ tỉnh đến huyện, từ trung tâm huyện tới xã, liên xã			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	i. Các trung tâm cụm xã			
	- Được đầu tư	C.Trình		

	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
2.	Đối với cấp xã và dưới xã:			
	<i>a. Trường học</i>			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	<i>b. Trạm y tế xã</i>			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	<i>c. Đường liên thôn bản</i>			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	<i>d. Thủy lợi</i>			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	<i>đ. Điện</i>			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	<i>e. Công trình nước sinh hoạt</i>			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	<i>f. Chợ trung tâm xã</i>			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	<i>g. Trạm chuyển tiếp PT xã</i>			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	<i>h. Nhà văn hóa xã</i>			

	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		
	<i>i. Xử lý chất thải, tạo mặt bằng các cụm công nghiệp, làng nghề</i>			
	- Được đầu tư	C.Trình		
	- Vốn đầu tư	Tr. đồng		

Mẫu số 11

Đề cương Báo cáo về kết quả phòng chống mại dâm (6 tháng, 1 năm)

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỐ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

Điện Biên, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Kết quả phòng, chống mại dâm

I. TÌNH HÌNH TỆ NẠN MẠI DÂM TRÊN ĐỊA BÀN

- Tình hình vi phạm hành chính, tội phạm liên quan đến mại dâm (tụ điểm, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự liên quan đến hoạt động mại dâm; cơ sở kinh doanh dịch vụ vi phạm các quy định về phòng, chống mại dâm; các phương thức thủ đoạn tổ chức hoạt động mại dâm trên địa bàn).

- Số cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm ?

- Số lượng người bán dâm hoạt động trên địa bàn (số người bán dâm ước tính, số đã được các cơ quan chức năng thống kê).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM

1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, bố trí nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm trên địa bàn.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng, chống tệ nạn mại dâm.

Kết quả thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền, vận động; phổ biến chính sách pháp luật về phòng chống mại dâm (nêu rõ biện pháp, hình thức tuyên truyền, số đợt, số người tham gia...); đánh giá hiệu quả các loại hình thông tin, tuyên truyền có hiệu quả do các cơ quan, đoàn thể tổ chức thực hiện.

3. Công tác kiểm tra, phối hợp thanh tra, xử lý các vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ trên địa bàn.

4. Công tác đấu tranh, truy quét, triệt phá, truy tố, xét xử các đường dây, ổ nhóm tội phạm liên quan đến mại dâm.

5. Kết quả xây dựng thí điểm các mô hình hỗ trợ giảm hại, hỗ trợ sinh kế và hòa nhập cho người bán dâm tại cộng đồng.

6. Xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn mại dâm.

- Tình hình kết quả triển khai thực hiện xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn mại dâm.

- Công tác hướng dẫn, kiểm tra và sử dụng kinh phí xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn mại dâm.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá những kết quả đã đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.
3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan), giải pháp khắc phục.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM, NĂM

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất với UBND tỉnh.
2. Kiến nghị, đề xuất với Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.
3. Kiến nghị khác (nếu có)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b//c);
-;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

Mẫu số 12

Đề cương Báo cáo về công tác tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán (Quý, 6 tháng, năm)

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỐ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

Điện Biên, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Công tác tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Khái quát thực trạng tình hình tội phạm mua bán người trên địa bàn (số lượng vụ việc, đối tượng phạm tội, nạn nhân bị mua bán), nguyên nhân và các phương thức, thủ đoạn phạm tội mới.

2. Những vấn đề liên quan nổi lên trên địa bàn ảnh hưởng đến sự phát sinh của tội phạm mua bán người (đặc biệt là tình hình xuất cảnh trái phép, những trường hợp xuất cảnh có dấu hiệu bị mua bán).

3. Số trường hợp vắng mặt lâu ngày, số người nghi bị mua bán tại địa phương (lập danh sách gửi kèm báo cáo nếu có).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo và triển khai thực hiện

Công tác xây dựng văn bản tham mưu, chỉ đạo và các văn bản triển khai về tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán tại địa phương.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống mua bán người; chính sách, chế độ hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

- Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tội phạm mua bán người; chính sách, chế độ tiếp nhận nạn nhân bị mua bán (Có số liệu cụ thể: đã tổ chức tuyên truyền cho bao nhiêu đơn vị, trường học, địa bàn, thu hút bao nhiêu lượt người tham gia; hình thức, nội dung tuyên truyền?).

- Số lượng cộng tác viên, tuyên truyền viên, báo cáo viên về phòng, chống mua bán người hiện có? Bao nhiêu chuyên trách, bao nhiêu kiêm nhiệm, số cộng tác viên, tuyên truyền viên là người dân tộc; số địa bàn đã bố trí, xây dựng được cộng tác viên, tuyên truyền viên, báo cáo viên.

3. Kết quả thực hiện việc tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về

- Số trường hợp tiếp nhận do nước ngoài trao trả?
- Số trường hợp được cấp giấy chứng nhận là nạn nhân bị mua bán?
- Số nạn nhân nằm trong các vụ án đã phát hiện, điều tra?
- Số nạn nhân tự trở về, không nằm trong các vụ án?

- Số nạn nhân bị mua bán đã được hỗ trợ? hình thức hỗ trợ?

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá những kết quả đã đạt được.
2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.
3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan), giải pháp khắc phục

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM, CÁC THÁNG CÒN LẠI

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất với UBND tỉnh.
2. Kiến nghị, đề xuất với Ban chỉ đạo Phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tỉnh Điện Biên.
3. Kiến nghị, đề xuất với Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh(B/c);
-;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

Mẫu số 13

Đề cương Báo cáo tình hình lao động sang Trung quốc làm thuê (6 tháng, năm)

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỐ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Điện Biên, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình lao động sang Trung quốc làm thuê

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo và triển khai thực hiện

Công tác xây dựng văn bản tham mưu, chỉ đạo và các văn bản triển khai.

2. Về tình hình người lao động địa phương sang Trung Quốc

- Tổng số lao động địa phương sang Trung Quốc (bao gồm cả xuất cảnh hợp pháp và xuất cảnh trái phép; thống kê theo từng địa bàn, gồm: huyện, thị xã, thành phố):...

Trong đó: + Vì mục đích lao động:...

+ Mục đích khác:...

- Thực trạng về việc làm, thời gian làm việc và thu nhập của người lao động qua biên giới làm thuê.

- Nguyên nhân (chủ quan, khách quan) người lao động địa phương sang làm việc trái phép tại Trung Quốc.

- Các vấn đề phát sinh đối với người lao động sang làm việc tại Trung Quốc (phát sinh tích cực, phát sinh tiêu cực).

3. Thực trạng quản lý người lao động Việt Nam sang Trung Quốc

- Tình hình cấp giấy phép cho người lao động sang Trung Quốc (trong đó bao nhiêu Hộ chiếu, Giấy thông hành, Giấy phép tạm thời... đã cấp cho người lao động).

- Các thỏa thuận, tiếp xúc với các địa phương của Trung Quốc về việc quản lý và bảo vệ quyền lợi của người lao động làm việc trái phép tại Trung Quốc.

- Công tác tham mưu cho UBND tỉnh ban hành những chính sách hiện hành về quản lý biên giới hiện nay.

- Công tác triển khai các thỏa thuận giữa Việt Nam và Trung Quốc về quản lý biên giới, thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế xã hội giữa các địa phương giáp biên.

- Các biện pháp quản lý và bảo vệ quyền lợi của người lao động Việt Nam sang làm việc trái phép tại Trung Quốc.

4. Thực trạng người lao động Trung Quốc sang Việt Nam làm việc trái phép tại địa phương (nếu có).

5. Việc thực hiện công tác tiếp nhận và các chính sách hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

6. Những thuận lợi, khó khăn trong việc quản lý lao động phổ thông vùng biên giới với Trung Quốc.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá những kết quả đã đạt được.

2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan), giải pháp khắc phục.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM, NĂM

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Những kiến nghị, đề xuất và các giải pháp quản lý lao động dịch chuyển làm việc ở biên giới với Trung Quốc.

- Kiến nghị khác (nếu có)/.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh(B/c);

-;

- Lưu: VT,

Mẫu số 14

Đề cương Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 Thông tin và Truyền thông thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (quý, 6 tháng, năm)

Tên đơn vị báo cáo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

Điện Biên, ngày tháng năm

BÁO CÁO

kết quả thực hiện tiêu chí số 8 Thông tin và Truyền thông thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.....

(Kỳ báo cáo: Quý/6 tháng/năm)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Các văn bản ban hành hướng dẫn của huyện để tổ chức, triển khai thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông.

- Kết quả thực hiện nguồn vốn nông thôn mới đối với nội dung tiêu chí thông tin và truyền thông (nếu có).

2. Kết quả đạt được tiêu chí của các xã trên địa bàn huyện

(Gửi kèm biểu mẫu theo phụ lục 1, phụ lục 02, phụ lục 03)

3. Đánh giá chung

a. Mặt đạt được

b. Khó khăn, vướng mắc

c. Đề xuất, kiến nghị

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUÝ TIẾP THEO/ 6 THÁNG TIẾP THEO/NĂM SAU

Xây dựng cụ thể kế hoạch thực hiện để đạt được tiêu chí thông tin và truyền thông trong thời gian tiếp theo.

(Gửi kèm biểu mẫu theo phụ lục 04)

Nơi nhận:

Lãnh đạo cơ quan, đơn vị

-.....;

-

- Lưu: VT,

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI

Kỳ báo cáo: Quý/6 tháng/năm

Stt	Tên đơn vị hành chính (huyện, thị, tp, xã)	Xã đạt nội dung - Xã có điểm phục vụ bưu chính		Xã đạt nội dung - Xã có dịch vụ viễn thông, Internet		Xã đạt nội dung - Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Xã đạt nội dung - Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành		Ghi chú
		Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	
I	TP. Điện Biên Phủ									
1	Xã Thanh Minh									
2	Xã Tà Lèng									
II	Huyện Điện Biên									
1	Xã ...									
2	...									
X	Huyện Nậm Pồ									
1	Xã ...									
2	...									

Người lập biểu

..., ngày...tháng...năm....

Đại diện đơn vị

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘI DUNG XÃ CÓ ĐÀI TRUYỀN THANH VÀ HỆ THỐNG LOA ĐẾN CÁC THÔN, BẢN

Kỳ báo cáo: Quý/6 tháng/năm

Stt	Tên đơn vị hành chính (huyện, thị, tp, xã)	Xã có đài truyền thanh (*)	Thôn (bản) có hệ thống loa hoạt động (**)	
			Có	Không
I	TP. Điện Biên Phủ			
1	Xã Thanh Minh			
	Thôn (Bản) ...			
2	Xã Tà Lèng			
	Thôn (Bản) ...			
				
II	Huyện Điện Biên			
1	Xã ...			
	Thôn (Bản) ...			
2	...			
X	Huyện Nậm Pồ			
1	Xã ...			
	Thôn (Bản) ...			
	Thôn (Bản) ...			
2	...			
	..			

Ghi chú:

(*) Xã có Đài truyền thanh đánh dấu X

(**) Đánh dấu X vào thôn, bản có hoặc không có hệ thống loa hoạt động

..., ngày...tháng...năm....

Đại diện đơn vị

Người lập biểu

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG/NĂM

Kỳ báo cáo: Quý/6 tháng/năm

Stt	Tên đơn vị hành chính (huyện, thị, tp, xã)	Xã đạt nội dung - Xã có điểm phục vụ bưu chính		Xã đạt nội dung - Xã có dịch vụ viễn thông, Internet		Xã đạt nội dung - Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Xã đạt nội dung - Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành		Ghi chú
		Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	
I	TP. Điện Biên Phủ									
1	Xã Thanh Minh									
2	Xã Tà Lèng									
II	Huyện Điện Biên									
1	Xã ...									
2	...									
X	Huyện Nậm Pồ									
1	Xã ...									
2	...									

Thuyết minh: Trong 6 tháng cuối năm 2019 dự kiến triển khai thực hiện các nội dung gì....? Đầu tư các nội dung gì....? Nguồn kinh phí? Tổng kinh phí đầu tư?

Người lập biểu

.....
ngày...tháng...năm....

Đại diện đơn vị

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘI DUNG XÃ CÓ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG, INTERNET

Kỳ báo cáo: Quý/6 tháng/năm

Stt	Tên đơn vị hành chính (huyện, thị, tp, xã)	Thôn (bản) có dịch vụ viễn thông, Internet		Xã có điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập Internet		Ghi chú
		Có	Không	Có	Không	
I	TP. Điện Biên Phủ					
1	Xã Thanh Minh					
	Thôn (Bản) ...					
2	Xã Tà Lèng					
	Thôn (Bản) ...					
						
II	Huyện Điện Biên					
1	Xã ...					
	Thôn (Bản) ...					
2	...					
X	Huyện Nậm Pồ					
1	Xã ...					
	Thôn (Bản) ...					
2	...					

Thuyết minh:

Báo cáo phân tích rõ lý do chưa có dịch vụ đối với từng nội dung tiêu chí:

Người lập biểu

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện đơn vị

Mẫu số 15
Đề cương báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
Công tác phòng, chống tham nhũng

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng;

c) Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách).

d) Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

c) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng;

d) Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức;

đ) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng;

e) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập;

f) Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;

g) Việc thực hiện cải cách hành chính;

h) Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

i) Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản;

k) Các nội dung khác đã thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng (nếu có).

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương;

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra;

c) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo;

d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương;

đ) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm;

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra;

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra;

- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

5. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

b) Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

c) Các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng (nếu có).

6. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

a) Công tác chỉ đạo, triển khai, cụ thể hoá, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong chiến lược quốc gia và kế hoạch thực thi Công ước.

c). Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà bộ, ngành, địa phương đã đề ra trong kế hoạch của mình nhằm thực thi Chiến lược, Công ước.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân.

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

b) So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;

d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại bộ, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*).

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	

20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	Qua hoạt động thanh tra		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	Qua điều tra tội phạm		
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	

40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.		
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
50	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
52	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
54	+ Đất đai	m ²	
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		
57	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng	Người	
58	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi tham nhũng	Người	
59	Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định của Nghị định 90/2013/NĐ-CP	Đơn	
60	Số đơn yêu cầu giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình	Đơn	
61	Số đơn yêu cầu đã được giải trình	Đơn	

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ.....

Biểu số 3b

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

(số liệu tính từ ngày...../.../.....đến.....ngày.../.../...)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc
1				
2				

..., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu 16

Đề cương Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Khái quát chung về tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn (tăng, giảm) và chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền về công tác tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân

a) Kết quả tiếp công dân (tiếp thường xuyên, định kỳ và đột xuất) của trụ sở tiếp công dân, của chủ tịch Ủy ban nhân dân, của thủ trưởng các cấp, các ngành và của các cơ quan thanh tra (số lượt, người); số vụ việc (cũ, mới phát sinh); số đoàn đông người (báo cáo cụ thể các đoàn đông người có tính chất phức tạp);

b) Nội dung tiếp công dân (số vụ việc khiếu nại, tố cáo và nội dung khiếu nại, tố cáo ở các lĩnh vực: hành chính; tư pháp; chính trị, văn hoá, xã hội; tố cáo tham nhũng).

c) Kết quả phân loại, xử lý qua tiếp công dân (số vụ việc chưa được giải quyết, đã được giải quyết).

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

a) Tiếp nhận (số đơn tiếp nhận trong kỳ, đơn chưa được xử lý kỳ trước chuyển sang);

b) Phân loại đơn (Theo loại đơn: khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Theo nội dung: lĩnh vực hành chính; tư pháp; chính trị, văn hoá, xã hội, tố cáo tham nhũng. Theo thẩm quyền: đơn thuộc thẩm quyền, đơn không thuộc thẩm quyền. Theo trình tự giải quyết: chưa được giải quyết; đã được giải quyết lần đầu; đã được giải quyết nhiều lần).

c) Kết quả xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo nhận được: (số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền; số lượng văn bản đôn đốc việc giải quyết; số đơn trả lại và hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền; số đơn thuộc thẩm quyền; số đơn lưu do đơn trùng lặp, đơn không rõ địa chỉ, không ký tên, đơn mạo danh, nặc danh....).

3. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền

a) Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: đơn khiếu nại; vụ việc thuộc thẩm quyền; số vụ việc đã giải quyết (thông qua giải thích, thuyết phục; giải quyết bằng quyết định hành chính); số vụ việc giải quyết lần 1, lần 2 và trên 2 lần.

- Kết quả giải quyết: số vụ việc khiếu nại đúng, số vụ việc khiếu nại sai, số vụ việc

khieu nại đúng một phần; tổng số tiền, đất (tài sản) kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết khiếu nại (kiến nghị xử lý hành chính, kiến nghị chuyển cơ quan điều tra xử lý); chấp hành thời hạn giải quyết theo quy định;

- Việc thi hành kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (tổng số quyết định giải quyết khiếu nại phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong).

- Kết quả thực hiện kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

b) Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: đơn tố cáo; vụ việc thuộc thẩm quyền; số vụ việc đã giải quyết;

- Kết quả giải quyết: số vụ việc tố cáo đúng, số vụ việc tố cáo sai, số vụ việc tố cáo đúng một phần; tổng số tiền, đất, tài sản kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết tố cáo (hành chính, chuyển cơ quan điều tra xử lý); việc chấp hành thời gian giải quyết theo quy định;

- Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo (tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong);

- Kết quả thực hiện quyết định xử lý tố cáo (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm;

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra;

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra;

- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

5. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo mới được ban hành;

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo được sửa đổi, bổ sung;

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo được tổ chức; tổng số người tham gia.

II. ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Đánh giá

a) Nguyên nhân dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo.

b) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

+ Việc rà soát, chỉnh sửa, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo; việc ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện;

+ Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức và nhân dân thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

+ Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c) Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nội dung khác có liên quan.

d) Nguyên nhân những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm và kinh nghiệm rút ra qua tổ chức, chỉ đạo và thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Dự báo

Tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân trong kỳ tiếp theo (diễn biến; mức độ phức tạp; khiếu kiện đông người, vượt cấp...)

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất.

ĐƠN VỊ.....

Biểu 2a

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN
(Số liệu tính từ ngày/...../..... đến ngày...../.../.....)

Đơn vị	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Lãnh đạo								Nội dung tiếp công dân												Kết quả qua tiếp dân (số vụ việc)				Tiếp định kỳ và đột xuất của thủ trưởng							
	Lượt	Người	Vụ việc		Đoàn đông người				Lượt	Người	Vụ việc		Đoàn đông người				Khẩn cấp						Tổ cáo				Phản ánh khẩn cấp khác	Chưa được giải quyết	Đã được giải quyết		Lượt	Người	Vụ việc		Đoàn đông người					
			Cũ	Mới phát sinh	Số đoàn	Người	Cũ	Mới phát sinh			Số đoàn	Người	Vụ việc		Lĩnh vực chính trị				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực CT, VH, XH khác	Lĩnh vực hình chính	Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	Chưa có QĐ giải quyết	Đã có QĐ giải quyết (tính từ cuối năm)	Đã có bản án của Tòa			Cũ	Mới phát sinh			Số đoàn	Người	Cũ	Mới phát sinh				
													Về tranh chấp đất đai, khiếu kiện, khiếu nại	Về chính sách	Về thuế, tài sản	Về đề nghị CCVC																								
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)

Lưu ý:

- Số liệu đã thống kê ở các cột từ cột 1 đến cột 8 thì không thống kê lại vào các cột từ cột 9 đến cột 16;
- Cột "Đơn vị" để các sở, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc.

ĐƠN VI.....

Biểu 2b

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN THU KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến...ngày.../.../...)

[illegible]

....ngày tháng năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

Лица ў:

- Tổng đơn cột số (7) + cột (14) = Tổng số đơn từ cột (20) đến cột (22) = Tổng số đơn từ cột (23) đến cột (25)
- Cột (6) đủ điều kiện xử lý là loại đơn không trùng lặp, có danh và rõ nội dung, địa chỉ
- Cột "Đơn vị" để địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

ĐƠN VI.....

Biểu 2c

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI
(Số liệu tính từ ngày/...../..... đến ngày...../...../.....)

[illegible]

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột "Đơn vị" để các cơ quan, đơn vị, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

ĐƠN VỊ.....

Biểu 2d

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO
(Số liệu tính từ ngày/...../..... đến ngày...../...../.....)

(Số hiệu tính từ ngày/...../..... đến ngày...../...../.....)																																									
Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền				Kết quả giải quyết														Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định	Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo								Tổ cáo tiếp	Tổ cáo tiếp thuộc thẩm quyền giải quyết	Phân tích kết quả giải quyết tố cáo tiếp											
	Tổng số đơn tố cáo	Trong đó			Đã giải quyết		Phân tích kết quả (vụ việc)			Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho công dân		Kiến nghị xử lý hành chính (số người)		Chuyển cơ quan điều tra		Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho công dân																			
Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền	Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	Tổ cáo đúng	Tổ cáo sai	Tổ cáo đúng một phần	Tiền	Đất	Tiền	Đất	Số người được bảo vệ quyền lợi	Tổng số người	Số người đã bị xử lý	Vụ	Đối tượng	Số vụ đã khởi kiện	Số đối tượng đã khởi kiện	Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn	Số vụ việc giải quyết quá thời hạn	Tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện trong kỳ báo cáo	Đã thực hiện xong	Tiền	Đất	Tiền	Đất	Tiền	Đất	Tiền	Đất	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Tổ cáo đúng	Tổ cáo sai	Tổ cáo đúng một phần			
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột "Đơn vị" để các sở, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

ĐƠN VỊ.....

Biểu 2đ

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
(Số liệu tính từ ngày/...../..... đến ngày...../.../.....)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo		Tập huấn, tuyên truyền		Thanh tra trách nhiệm						Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm, quyết định xử lý				Ghi chú		
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi bổ sung	Pháp luật về KNTC		Thực hiện pháp luật về KNTC		Số đơn vị có vi phạm	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra	Kết quả kiểm tra				
			Lớp	Người	Số cuộc	Số đơn vị		Kiểm điểm, rút kinh nghiệm		Hành chính			Đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm			Đã xử lý hành chính	
								Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân		Tổ chức	Cá nhân		Tổ chức	Cá nhân
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Lưu ý:

- Đối với các ngành quản lý ngành dọc ở địa phương không tổng hợp
- Cột “Đơn vị” để các sở, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 17
Đề cương báo cáo công tác thanh tra

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
Công tác thanh tra

Khái quát tình hình kinh tế, xã hội và việc thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch của địa phương tác động trực tiếp đến việc thực hiện công tác thanh tra; tóm tắt chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA

1. Thanh tra hành chính

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc đang thực hiện (kỳ trước chuyển sang; triển khai trong kỳ báo cáo);
- Về hình thức (số cuộc: theo kế hoạch, thường xuyên và đột xuất);
- Về tiến độ (số cuộc: kết thúc thanh tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận).

b) Kết luận thanh tra:

- Phát hiện vi phạm:

+ Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra;

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, thuộc lĩnh vực; số tiền, đất, tài sản được phát hiện có vi phạm;

- Kiến nghị xử lý vi phạm:

+ Xử lý trách nhiệm về kinh tế, xử lý kỷ luật hành chính;

+ Xử lý hình sự: chuyển cơ quan điều tra xử lý;

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Số tiền, tài sản thu hồi, xử lý trong quá trình thanh tra.

c) Kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra:

- Số kết luận và quyết định xử lý được kiểm tra trong kỳ báo cáo;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

d) Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực:

- Quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng;

- Quản lý, sử dụng đất;
- Quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách;
- Lĩnh vực khác (nếu có) .

Đối với từng lĩnh vực trên phải nêu rõ: số cuộc thanh tra, số đơn vị được thanh tra, nội dung thanh tra chủ yếu, số đơn vị có vi phạm và các vi phạm điển hình, kiến nghị xử lý (kinh tế, hành chính, hình sự); kết quả xử lý thông qua kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra (kinh tế, hành chính, chuyển cơ quan điều tra xử lý).

- Kết quả thanh tra lại;
- Kết quả thanh tra chuyên đề (nếu có): nêu tóm tắt kết quả tổ chức, thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

2. Thanh tra chuyên ngành

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc đang thực hiện (số cuộc có thành lập đoàn, số cuộc thanh tra độc lập);
- Số đối tượng được thanh tra (cá nhân, tổ chức);
- Những lĩnh vực thanh tra chủ yếu.

b) Kết quả thanh tra:

- Số cá nhân, tổ chức vi phạm;
- Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra;
- Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành; tổng số tiền vi phạm; số tiền xử lý tài sản vi phạm; số tiền kiến nghị thu hồi; số tiền xử phạt vi phạm, số giấy phép thu hồi, bãi bỏ.....
- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu hồi.

3. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm;
- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra;
- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra;
- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

4. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác thanh tra

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác thanh tra mới được ban hành;

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác thanh tra được sửa đổi, bổ sung;
- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra được tổ chức; tổng số người tham gia.

II. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT

1. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra (về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, thanh tra trách nhiệm; về thanh tra đột xuất, thanh tra lại; về đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan).

2. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra:

+ Việc rà soát, chỉnh sửa, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra;

+ Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra;

+ Về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra;

+ Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, nhân viên thanh tra; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (nếu có);

3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra;

4. Nguyên nhân của những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm (chủ quan, khách quan) và kinh nghiệm rút ra qua tổ chức, chỉ đạo và thực hiện công tác thanh tra.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC THANH TRA TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác thanh tra sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về công tác thanh tra (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác thanh tra;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất.

ĐƠN VI.....

Biểu số 1a

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

(số liệu tính từ ngày...../.../.....đến....ngày.../.../...)

[illegible]

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

Line y:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (10) = (12) + (14)
- Cột (11) = (13) + (15)
- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
- Cột 20, 21 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đơn đốc xử lý sau thanh tra

ĐƠN VỊ.....

Biểu số 1b

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

(số liệu tính từ ngày...../.../....đến....ngày.../..../...)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra							Số đơn vị được thanh tra	Số đơn vị có vi phạm	Tổng vi phạm		Kiến nghị thu hồi		Kiến nghị khác		Kiến nghị xử lý				Đã thu		Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra										Ghi chú
	Tổng số	Đang thực hiện		Hình thức		Tiến độ				Tiền (hoặc tài sản quy thành tiền)	Đất (m ²)	Tiền (Tr. đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr. đ)	Đất (m ²)	Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Tiền (Tr. đ)	Đất (m ²)	Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra, đôn đốc	Kết quả kiểm tra, đôn đốc									
		Kỳ trước chuyển sang	Tồn kho	Theo Kế hoạch	Đột xuất	Kết thúc thanh tra trực tiếp	Đã ban hành kết luận									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng				Tiền (Tr. đ)		Đất (m ²)		Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố			
																							Phải thu	Đã thu	Phải thu	Đã thu	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
Tổng																																

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (10) = (12) + (14)
- Cột (11) = (13) + (15)
- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết KNTC và PCTN
- Cột 20,21 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đôn đốc xử lý sau thanh tra.

ĐƠN VỊ.....

Biểu số 1c

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH

(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến...ngày.../.../...)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra							Số đơn vị được thanh tra	Số đơn vị có vi phạm	Số tiền vi phạm	Số tiền kiến nghị thu hồi	Kiến nghị khác (tiền)	Kiến nghị xử lý				Số tiền đã thu	Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra										Ghi chú
	Tổng số	Đang thực hiện		Hình thức		Tiến độ							Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra, đôn đốc	Kết quả kiểm tra, đôn đốc									
		Kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ báo cáo	Theo kế hoạch	Đợt xuất	Kết thúc thanh tra trực tiếp	Đã ban hành kết luận						Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng			Tiền		Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố					
																			Phải thu	Đã thu	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng				
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25			
Tổng																												

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (10) = (11) + (12)
- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
- Cột 17 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đôn đốc xử lý sau thanh tra

Đơn vị:.....

Biểu số 1đ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA LẠI
(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến...ngày.../.../...)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra lại					Cơ sở thanh tra lại (số cuộc)					Số đơn vị đã thanh tra lại	Số đơn vị có vi phạm phát hiện qua thanh tra lại	Vi phạm về kinh tế phát hiện qua thanh tra lại		Kiến nghị thu hồi		Kiến nghị khác		Kiến nghị xử lý				Kết quả thực hiện						Ghi chú
	Tổng số	Đang thực hiện		Tiến độ		Vi phạm trình tự, thủ tục dẫn đến sai lệch nghiêm trọng KL	Nội dung kết luận không phù hợp chứng cứ	Sai lầm trong áp dụng PL khi KL	Cố ý làm sai lệch hồ sơ hoặc cố ý KL trái pháp luật	Vi phạm trọng chứng a được phát hiện đầy đủ			Tiền (Tr đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr đ)	Đất (m ²)	Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Tiền đã thu (Tra)	Đất đã thu (m ²)	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
		Kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ báo cáo	Kết thúc	Đã báo hành kết luận														Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng			Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Tổng																													

....., ngày .. tháng .. năm ..

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) + (6) + (7) + (8) + (9) + (10)
- Cột (13) = (15) + (17)
- Cột (14) = (16) + (18)
- Cột "Đơn vị" để các địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc.

ĐƠN VỊ.....

Biểu số 1e

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

(số liệu tính từ ngày...../.../.... đến....ngày.../.../...)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra			Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Kết quả																		Ghi chú	
	Tổng số	Thành lập đoàn	Thanh tra độc lập					Số có vi phạm			Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành			Số tiền vi phạm			Số tiền kiến nghị thu hồi	Số tiền xử lý tài sản vi phạm			Số tiền xử phạt vi phạm			Số tiền đã thu			
				Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra											Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Tịch thu (thành tiền)		Tiêu hủy (thành tiền)
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27
Tổng																											

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột (17) áp dụng cho các sở có tính chất đặc thù (như sở Lao động, thương binh & xã hội; sở Giao thông vận tải...)
- Cột (21) là giá trị tài sản tích thu sau khi đã xử lý nộp về ngân sách
- Cột (24), (25), (26) là số tiền đã thu từ kết quả kiến nghị thu hồi từ Cột 17 + Số tiền tài sản vi phạm đã xử lý từ Cột 18 + Số tiền xử phạt vi phạm đã thu từ Cột 21
- Cột "Đơn vị" để các sở, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

ĐƠN VỊ.....

Biểu số 1f

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA

(số liệu tính từ ngày...../...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra		Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân				Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm								Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm, quyết định xử lý						Ghi chú
			Pháp luật về thanh tra		Pháp luật về thanh tra, KNTC, PCTN		Thực hiện pháp luật về thanh tra		Thực hiện pháp luật về thanh tra, KNTC, PCTN		Số đơn vị có vi phạm	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT và QĐ xử lý đã kiểm tra	Kết quả kiểm tra				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Lớp	Người	Lớp	Người	Số cuộc	Số đơn vị	Số cuộc	Số đơn vị		Kiểm điểm, rút kinh nghiệm	Hành chính		Đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm		Đã xử lý hành chính				
											Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân			
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Tổng																					

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Đối với việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và thanh tra trách nhiệm về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng nếu thực hiện ghép 2, hoặc 3 nội dung (thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng) thì chỉ thống kê 01 lần ở cột (5), (6), (đối với tập huấn, tuyên truyền, phổ biến) và ở cột (9) và (10), (đối với thanh tra, kiểm tra trách nhiệm), sau đó giải thích ở phần ghi chú.

- Cột "Đơn vị" để các sở, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

ĐƠN VỊ.....

Biểu số 1g

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG PHÁT HIỆN QUA CÔNG TÁC CỦA NGÀNH THANH TRA
(số liệu tính từ ngày...../.../....đến....ngày.../.../...)

Đơn vị phát hiện	Số vụ	Số người	Tài sản tham nhũng				Kiến nghị thu hồi				Đã thu				Kiến nghị xử lý				Kết quả xử lý				Xử lý trách nhiệm người đứng đầu		Ghi chú
			Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ))	Đất (m²)	Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ)	Đất (m²)	Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ))	Đất (m²)	Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố				
															Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Kiến nghị	Đã xử lý	
MS	1	2	3=4+5	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Tổng																									

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột "đơn vị phát hiện" ghi cụ thể tên đơn vị phát hiện tham nhũng
- Nếu cột 23 có nội dung trùng cột 16, 18; cột 24 có nội dung trùng cột 20, 22 thì cần ghi chú và giải thích.

ĐƠN VỊ.....

Biểu số 1h

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA

(số liệu tính từ ngày...../.../....đến....ngày.../..../...)

Đơn vị tính: Người

Đơn vị tính: Người																								
Đơn vị	Thực trạng cán bộ công chức trong kỳ báo cáo						Biến động trong kỳ báo cáo (số CBCC)							Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra								Đào tạo lý luận chính trị	Đào tạo khác (ngoại ngữ, tin học, trên đại học)	Ghi chú
	Tổng số	Trong đó					Tiếp nhận, tuyển dụng	Nghỉ hưu, chuyển công tác	Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo	Bổ nhiệm vào ngạch, nâng ngạch	Chuyển đổi vị trí công tác	Vi phạm kỷ luật		Tổng số		Trong đó								
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Số CB, CC, VC trong biên chế	Số lao động hợp đồng						Phải xử lý	Đã xử lý	Như cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên		Thanh tra viên chính		Thanh tra viên cao cấp				
																Như cầu	Đã thực hiện	Như cầu	Đã thực hiện	Như cầu	Đã thực hiện			
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Tổng																								

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Biểu này chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo tổng kết năm.
- Cột (14) = Cột (16) + Cột (18) + Cột (20)
- Cột (15) = Cột (17) + Cột (19) + Cột (21)
- Cột "Đơn vị" để các sở, địa phương thống kê công tác xây dựng lực lượng ở các đơn vị trực thuộc.